

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-PT.

Ngày: 18 - 6 - 2024.

V/v không công nhận quan hệ
vợ chồng và chia tài sản chung.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Đoàn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Trường và ông Trần Văn San.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam:** Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 06/2024/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng và chia tài sản chung*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2024/HNGĐ -ST ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2024, giữa:

* **Nguyên đơn:** Bà Đoàn Thị C, sinh năm 1960; nơi ĐKNKTT: Số nhà B, đường T, tổ B, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

* **Bị đơn:** Ông Lương Xuân N, sinh năm 1952; địa chỉ: Số nhà B, đường T, tổ B, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lương Xuân N: Bà Trần Thị Thanh B - Luật sư Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh H, có mặt.

* **Người kháng cáo:** Nguyên đơn bà Đoàn Thị C và bị đơn ông Lương Xuân N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2023, tại bản tự khai ngày 22/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đoàn Thị C trình bày:

Bà và ông Lương Xuân N sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và không tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông N nghiện rượu, khi uống say thì ông N thường chửi bới, đánh đập bà; trong cuộc sống ông N gia trưởng, bảo thủ, sống ích kỷ, không tôn trọng bà và thường bắt bà phải làm theo ý ông N. Từ đó không khí gia đình luôn căng thẳng, vì con cái nên bà cố gắng nhẫn nhịn, nhưng mâu thuẫn giữa bà và ông N vẫn thường xuyên xảy ra, từ năm 2012 đến nay bà đã phải ra khỏi nhà sống nhờ họ hàng. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, do ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên bà đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận là vợ chồng giữa bà và ông Lương Xuân N.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lương Xuân N trình bày:

Ông xác định về thời gian ông và bà C chung sống với nhau và thời gian ông bà sống ly thân như bà C khai là đúng. Ông xác định ông và bà C sống chung với nhau từ năm 1990 đến năm 2012, trong thời gian đó ông bà chưa bao giờ đi đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Về nguyên nhân mâu thuẫn không phải như bà C khai mà do ông và bà C bất đồng quan điểm, hai bên hay xảy ra cãi chửi nhau nên ông đuổi bà C ra khỏi nhà, kể từ đó đến nay bà C ở đâu ông không biết. Nay ông xác định ông và bà C không đăng ký kết hôn với nhau nên ông đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà C là vợ chồng.

Về con chung: Bà C và ông N đều xác định, ông bà có 01 con chung là chị Lương Đoàn Bảo Y, sinh ngày 19/8/1991 (con gái) hiện chị Y đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên ông, bà không yêu cầu giải quyết. Ông N và bà C đều xác định chị L Đoàn Bảo Y không có công sức, đóng góp gì vào việc hình thành, tôn tạo những tài sản trên.

Về tài sản chung: Bà C xác định bà và ông N có tài sản chung gồm: 01 thửa đất số 54, tờ bản đồ số PL2, diện tích 118m², tại địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam, đã được UBND thị xã P (nay là thành phố P), tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/7/2006 mang tên hộ ông Lương Xuân N và bà Đoàn Thị C. Nguồn gốc thửa đất này lúc đầu của ông N có 60m². Sau khi bà về sống chung với ông N thì bà và ông N đã bao

cáp, vượt lập thêm về phía sau và được Nhà nước làm thủ tục hợp pháp hóa diện tích đất 58m², do đó hiện nay thửa đất có diện tích 118m². Tài sản trên đất gồm 01 nhà 02 tầng bê tông cốt thép, công trình phụ khép kín, xây dựng năm 2006 và 01 bán mái lợp Prôximăng, cột sắt, đòn tay luồng, làm năm 1995; nguồn tiền để xây dựng tài sản này là của bà và ông N làm ăn mà có. Khi chia tài sản chung bà đề nghị Tòa án giao cho ông N được toàn quyền quản lý, sử dụng nhà đất và các tài sản trên đất, ông N có trách nhiệm trả cho bà một nửa giá trị tài sản bằng tiền. Ông N xác định ông và bà C không có tài sản chung.

Về tài sản riêng: Bà C xác định không có tài sản riêng. Ông N xác định ông có tài sản riêng gồm: 01 thửa đất số 54, tờ bản đồ số PL2, diện tích 118m², tại địa chỉ: **Tổ dân phố H, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam**, đã được **UBND thị xã P** (nay là **thành phố P**), **tỉnh Hà Nam** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/7/2006 mang tên hộ ông **Lương Xuân N** và bà **Đoàn Thị C**. Tài sản trên thửa đất gồm 01 nhà 02 tầng bê tông cốt thép, công trình phụ khép kín và 01 bán mái lợp Prôximăng, cột sắt, đòn tay luồng. Nguồn gốc thửa đất và nguồn tiền để xây dựng các tài sản trên đất là của riêng ông, không liên quan đến bà C. Nay bà C xác định là tài sản chung và đề nghị chia đôi tài sản này, ông không nhất trí. Ông xác định là tài sản riêng của ông nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Bà C, ông N đều xác định không nợ ai và không ai nợ ông, bà nên ông, bà không yêu cầu giải quyết.

Đại diện **UBND phường T, thành phố P** có quan điểm: Căn cứ vào hồ sơ đăng ký kết hôn của công dân cư trú trên địa bàn **phường T** thì không thấy việc bà **Đoàn Thị C** và ông **Lương Xuân N** đăng ký kết hôn tại **UBND phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam** từ trước cho đến nay.

Đại diện **tổ dân phố số B, phường T** có quan điểm: Bà **Đoàn Thị C** và ông **Lương Xuân N** chính thức sống chung với nhau từ năm 1990 tại địa chỉ **số nhà B, đường T, tổ B, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam**. Quá trình sống chung, ông bà mâu thuẫn cụ thể thế nào thì chính quyền địa phương không nắm rõ. Đến khoảng năm 2010 thỉnh thoảng ông bà có xảy ra cãi nhau. Bà C và ông N sống chung với nhau từ năm 1990 đến năm 2012 thì bà C không sống chung cùng ông N nữa. Bà C và ông N có 01 con chung là chị **Lương Đoàn Bảo Y**, sinh năm 1991, hiện chị Y đã trưởng thành và lập gia đình riêng. Căn nhà hai tầng trên thửa đất hiện nay ông N đang ở là do ông N và bà C xây dựng vào khoảng năm 2008. Nay đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện **UBND phường T, thành phố P** có quan điểm: Ngày 30/4/1992, ông **Lương Xuân N** được **UBND thị xã H, tỉnh Hà Nam Ninh** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 166, tờ bản đồ số 1, diện tích 60m²

đất ở, tại **tổ dân phố H, phường T, P, Hà Nam**. Đến năm 2003, khi đo đạc lại hiện trạng thì thửa đất trên có thay đổi thành thửa đất số 54, tờ bản đồ PL2, diện tích 123m² đất. Năm 2006, thực hiện Kế hoạch 566 của **UBND tỉnh H** thì thửa đất trên được đưa vào phương án xử lý phần tăng diện tích là 58m², vợ chồng ông **N** đã nộp tiền để hợp pháp hóa phần diện tích đất trên. Trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Kế hoạch 566 gồm có các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông **N** (bản phô tô công chứng), 01 đơn đề nghị của ông **N** có ý kiến của UBND thị xã, người giao nhận hồ sơ là bà **Đoàn Thị C**. Đến ngày 03/7/2006 thì hộ ông **Lương Xuân N** và bà **Đoàn Thị C** đã được **UBND thị xã P**, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 54, tờ bản đồ PL2, diện tích 118m² đất ở. Như vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất nêu trên là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Hiện nay trên thửa đất này có 01 căn nhà 02 tầng do ông **N**, bà **C** xây dựng và sinh sống trên đó. Nay đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản **thành phố P** ngày 01/02/2024, xác định như sau:

Về đất: Thửa đất số 54, tờ bản đồ số PL2, diện tích 118m², tại địa chỉ: **Tổ dân phố H, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam**, đã được **UBND thị xã P** (nay là **thành phố P**), tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/7/2006 mang tên hộ ông **Lương Xuân N** và bà **Đoàn Thị C**, có giá trị là: 3.221.400.000 đồng.

Về tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà 02 tầng bê tông cốt thép, móng bê tông, công trình phụ khép kín, nền lát gạch hoa, cửa nhôm kính, tường xây gạch 220, điện nước đi chìm, xây dựng năm 2006; 01 bán mái lợp Prôximăng, cột sắt, đòn tay luồng, có một phần tường, làm năm 1995; có tổng giá trị 345.134.000 đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 3.566.534.000 đồng.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2024/HNGĐ-ST ngày 05/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam quyết định:

Căn cứ khoản 7, 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 92, 147, 157, 165, 227, 228, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ các Điều 16, 28, 29, 33, 35, 46, 53, 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Căn cứ

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị C.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đoàn Thị C và ông Lương Xuân N.

Về tài sản chung: Công nhận tài sản chung của bà Đoàn Thị C và ông Lương Xuân N gồm: Quyền sử dụng thửa đất số 54, tờ bản đồ số PL2, diện tích 118m², tại địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam, đã được UBND thị xã P (nay là thành phố P), tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/7/2006 mang tên hộ ông Lương Xuân N và bà Đoàn Thị C, có giá trị là: 3.221.400.000 đồng. Tài sản trên thửa đất trên gồm có: 01 căn nhà 02 tầng bê tông cốt thép, móng bê tông, công trình phụ khép kín, nền lát gạch hoa, cửa nhôm kính, tường xây gạch 220, điện nước đi chìm, xây năm 2006; 01 bán mái lợp Prôximăng, cột sắt, đòn tay luồng, có một phần tường, làm năm 1995; có giá trị 345.134.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung là 3.566.534.000 đồng.

Về phân chia tài sản chung: Chia cho bà Đoàn Thị C được hưởng 40% giá trị tài sản chung là 1.426.613.600 đồng (Một tỷ bốn trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm mười ba nghìn sáu trăm đồng). Chia cho ông Lương Xuân N được hưởng 60% giá trị tài sản chung là 2.139.920.400 đồng (Hai tỷ một trăm ba mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn bốn trăm đồng).

Giao cho ông Lương Xuân N được toàn quyền sở hữu, sử dụng những tài sản sau: Thửa đất số 54, tờ bản đồ số PL2, diện tích 118m², tại địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam, đã được UBND thị xã P (nay là thành phố P), tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/7/2006 mang tên hộ ông Lương Xuân N và bà Đoàn Thị C. 01 căn nhà 02 tầng bê tông cốt thép, móng bê tông, công trình phụ khép kín, nền lát gạch hoa, cửa nhôm kính, tường xây gạch 220, điện nước đi chìm, xây năm 2006; 01 bán mái lợp Prôximăng, cột sắt, đòn tay luồng, có một phần tường, làm năm 1995. Tổng giá trị tài sản chung ông N được quản lý sử dụng là 3.566.534.000 đồng (Ba tỷ năm trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn đồng). Ông Lương Xuân N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đoàn Thị C số tiền 1.426.613.600 đồng (Một tỷ bốn trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm mười ba nghìn sáu trăm đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Trong thời hạn luật định, ngày 15/4/2024 nguyên đơn bà Đoàn Thị C kháng cáo đề nghị Tòa án phúc thẩm xem xét phân chia tài sản chung cho bà và ông N mỗi người được hưởng 50%. Giao cho bà được quyền sử dụng thửa đất số 54, tờ bản đồ PL2, diện tích 118m², tại địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam, đã được UBND thị xã P (nay là thành phố P), tỉnh Hà Nam

cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/7/2006 mang tên hộ ông Lương Xuân N và bà Đoàn Thị C, bà có nghĩa vụ trả ông N 50% giá trị tài sản chung. Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm ngày 11/6/2024 bà Đoàn Thị C có đơn xin rút toàn bộ đơn kháng cáo của mình.

Trong thời hạn luật định, ngày 16/4/2024 bị đơn ông Lương Xuân N kháng cáo toàn bộ bản án. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lương Xuân N xin rút một phần đơn kháng cáo của mình về phần không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà C.

Quan điểm của Luật sư B người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lương Xuân N có quan điểm: Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý đã có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không đưa bà L Đoàn Bảo Yến con gái của ông N và bà C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như việc áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án, Tòa án sơ thẩm không làm rõ công sức đóng góp của ông Lương Xuân N và bà Đoàn Thị C trong việc xác lập khối tài sản chung. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự huỷ một phần bản án sơ thẩm về chia tài sản chung giữa ông Lương Xuân N và bà Đoàn Thị C, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Đoàn Thị C, đình chỉ một phần kháng cáo của ông Lương Xuân N về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà C, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lương Xuân N; giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2023/HNGĐ - ST ngày 05/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; án phí phúc thẩm bà Đoàn Thị C và ông Lương Xuân N không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, nhận định của Tòa án:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Đoàn Thị C và bị đơn ông Lương Xuân N trong thời hạn luật định. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm ngày 11/6/2024 bà Đoàn Thị C có đơn xin rút toàn bộ đơn kháng cáo của mình, việc rút đơn kháng cáo của bà C là

hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc; tại phiên toà ông Lương Xuân N rút một phần đơn kháng cáo của mình đối với phần không công nhận quan hệ là vợ chồng giữa ông với bà C, do vậy căn cứ vào khoản 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà C và một phần kháng cáo của ông Lương Xuân N.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của ông Lương Xuân N, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[2.1]. Về con chung: Ông N xác định trong quá trình chung sống với bà C có sinh được 01 con chung là chị Lương Đoàn Bảo Y, sinh ngày 19/8/1991 (con gái) hiện chị Y đã trưởng thành và lập gia đình riêng, bản thân chị Y trong quá trình chung sống cùng ông bà không có đóng góp gì vào khối tài sản chung của ông bà nên ông, bà không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Toà án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết là có căn cứ, đúng quy định.

[2.2]. Về tài sản: Ông Lương Xuân N cho rằng đối với quyền sử dụng thửa đất số 54, tờ bản đồ số PL2, diện tích 118m², tại địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam, đã được UBND thị xã P (nay là thành phố P), tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/7/2006 mang tên hộ ông Lương Xuân N và bà Đoàn Thị C. Tài sản trên thửa đất gồm có 01 căn nhà 02 tầng bê tông cốt thép, móng bê tông, công trình phụ khép kín, nền lát gạch hoa, cửa nhôm kính, tường xây gạch 220, điện nước đi chìm, xây năm 2006; 01 bán mái lợp Prôximăng, cột sắt, đòn tay luông, có một phần tường, xây dựng 1995 là tài sản riêng của ông.

Trong quá trình xét xử sơ thẩm, Toà án cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu chứng cứ về nguồn gốc, quá trình hình thành và sử dụng đất cũng như quá trình xây dựng tài sản trên thửa đất đã được các cơ quan có thẩm quyền xác định: Thửa đất này ban đầu có 60m² đất ở là tài sản riêng của ông N, sau đó bà C và ông N vượt lập thêm phần đất phía sau và đã được Nhà nước hợp pháp hóa phần diện tích 58m² đất ở nên tổng diện tích của thửa đất trên là 118m² đất ở, ông N xác định diện tích đất tăng lên là do ông và bà C san lấp, vượt lập và ông đề nghị hợp pháp hóa cho ông và bà C. Ông N xác định kể từ khi thửa đất này được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông N và bà C ngày 03/7/2006 cho đến nay thì ông không có ý kiến hay khiếu nại gì về việc này. Vì vậy, diện tích 60m² đất tại thửa đất này đã được ông N tự nguyện nhập vào làm tài sản chung của ông và bà C. Toà án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 54, tờ bản đồ số PL2, diện tích 118m², tại địa chỉ tổ dân phố H, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam và các tài sản trên đất là tài sản được hình thành trong thời kỳ bà C và ông N chung sống với nhau như vợ chồng nên đây là tài sản chung của bà C và ông N. Xét về nguồn gốc của thửa đất trong tổng số 118m² có 60m² đất là của ông N

được cấp trước khi chung sống với bà C, ông N có công sức đóng góp nhiều hơn nên được hưởng phần nhiều hơn. Tại phiên toà phúc thẩm ông Lương Xuân N xác định vào năm 2012 ông và bà C cùng nhau mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 54, tờ bản đồ số PL2, diện tích 118m², tại địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam đến ngân hàng thế chấp để vay 200.000.000 đồng, cả hai đều ký vào hợp đồng vay tiền tại ngân hàng, nay ông Lương Xuân N đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chia cho bà Đoàn Thị C được hưởng 20% tổng số giá trị tài sản, như vậy bản thân ông N tại phiên toà phúc thẩm cũng đã thừa nhận đây là tài chung của ông bà. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm căn cứ các Điều 92, 147, 157, 165, 227, 228, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự xử cho ông N được hưởng 60%, bà C được hưởng 40% tổng giá trị tài sản chung và giao cho ông N được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất và tài sản trên đất, ông N có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản cho bà C với số tiền 1.426.613.600 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với việc ông N đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam yêu cầu Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam cung cấp toàn bộ các giấy tờ liên quan đến hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 308358, thửa đất số 54, tờ bản đồ số PL2, diện tích 118m² đối với hộ ông Lương Xuân N và bà Đoàn Thị C. Sau khi nhận được đơn yêu cầu của ông N, Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam đã nhận được các tài liệu do UBND phường T cung cấp gồm: Sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phương án xử lý các trường hợp sử dụng đất chưa được pháp hoá, sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu của ông N đã được Toà án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định.

Đối với việc ông N cho rằng nếu trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng quy định của pháp luật, ông đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam tuyên huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông N không có tài liệu nào chứng minh thửa đất số 54, tờ bản đồ số PL2, diện tích 118m² được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng với quy định của pháp luật, trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Toà án cấp sơ thẩm ông N không có yêu cầu phản tố đối với vấn đề nêu trên và cũng không được Toà án cấp sơ thẩm xem xét, nay ông đề nghị xem xét là vượt quá phạm vi xét xử của cấp phúc thẩm, vì vậy cấp phúc thẩm không xem xét đối với yêu cầu của ông.

Đối với yêu cầu của ông N đề nghị Toà án làm rõ việc bà Lương Đoàn Bảo Y có sinh sống, cư trú tại tổ B, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam vào ngày 11/01/2024 không, nếu có thì cư trú tại đâu, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án ông bà không đề nghị Toà án đưa chị L Đoàn Bảo Y vào tham gia tố tụng với tư cách gì trong vụ án và cũng không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy chị Y không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ

án nên yêu cầu của ông N đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xác minh chị Y đang cư trú tại đâu là vượt quá phạm vi xét xử của cấp phúc thẩm, vì vậy cấp phúc thẩm không xem xét đối với yêu cầu của ông.

Từ những phân tích nêu trên đơn kháng cáo của ông Lương Xuân N không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3]. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đoàn Thị C và ông Lương Xuân N không phải chịu.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với toàn bộ kháng cáo của bà Đoàn Thị C và một phần kháng cáo của ông Lương Xuân N; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lương Xuân N; giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2024/HNGĐ-ST ngày 05/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đoàn Thị C và ông Lương Xuân N không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Công Đoàn

